

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tuấn

Bà Vi Thị Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Công M, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/01/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lương Công M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, tuy nhiên được khoảng 03 tháng thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, xảy ra cãi chửi nhau liên tục, đã có lần xảy ra xô sát do anh đi chơi, chị Hoàng Thị H

xúc phạm anh và bạn bè anh nên anh đã có hành vi bạo lực với chị Hoàng Thị H. Đến tháng 10/2021 chị Hoàng Thị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại thôn K, thị trấn L, huyện L sinh sống từ đó đến nay, anh và chị Hoàng Thị H đã được hai bên gia đình động viên, hàn gắn nhưng không thành. Thời gian ly thân anh và chị Hoàng Thị H cắt đứt liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Hoàng Thị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị xem xét giải quyết. Nợ chung: Không có.

Chị Hoàng Thị H đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác, không đến Tòa án tham gia tố tụng do vậy Tòa án không thể lấy lời khai của chị Hoàng Thị H được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án (các điều 28, 35, 39); xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự (Điều 68); việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ (từ Điều 93 đến Điều 97); việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ theo Điều 175, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn, trình tự, thủ tục giải quyết đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (từ Điều 186 đến Điều 220).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án gồm các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng tại phiên tòa từ Điều 221 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự và công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa theo Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Lương Công M kể từ khi vụ án được thụ lý đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị H chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do khiến phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất. Ngày hôm nay 31/3/2022, bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Lương Công M xin ly hôn, chị Hoàng Thị H không hợp tác, không có ý kiến muốn hàn gắn đoàn tụ, xác định anh Lương Công M và chị Hoàng Thị H đã sống ly thân, quan hệ hôn nhân lâm

vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đủ căn cứ giải quyết cho ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Lường Công M được ly hôn với chị Hoàng Thị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn anh Lường Công M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị H, cư trú tại thôn K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn anh Lường Công M xác định mâu thuẫn trầm trọng do không tìm được tiếng nói chung, xảy ra cãi chửi nhau liên tục, đã có lần xảy ra xô sát và anh đã có hành vi bạo lực gia đình với chị Hoàng Thị H. Anh Lường Công M và chị Hoàng Thị H đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị Hoàng Thị H đã biết và nhận các văn bản tố tụng, không hợp tác. Điều đó thể hiện chị Hoàng Thị H không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, mục đích hôn nhân của hai vợ chồng không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng (có xác nhận của chính quyền địa phương). Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lương Công M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sung ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương Công M được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 62, đăng ký ngày 02/11/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về án phí: Anh Lương Công M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách nhà nước. Xác nhận anh Lương Công M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005073 của Chi cục Thi hành dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

